TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 7 – 2020
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Hoa

Ông La Văn Việt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 451/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2020/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thanh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp Bàu Công, xã Tân Mỹ, huyện ĐH, tỉnh LA.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Bình Hữu 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Chị T có mặt, anh Ph vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phùng Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Ph là vợ chồng cưới nhau từ năm 2011, đến ngày 11/11/2011 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Thượng cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh Ph, đến năm 2019 vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cải vã, không tìm được tiếng nói chung, chung sống

không hạnh Ph. Chị và anh Ph đã ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh Ph có 01 con chung tên Nguyễn Phùng Trâm Anh, sinh ngày 07/4/2013, con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị T xác định chị và anh Ph không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định chị và anh Ph không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh Ph, nhưng anh Ph vẫn vắng mặt không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phùng Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph. Anh Ph hiện đang cư trú tại xã Đức Hòa Thượng, huyện ĐH, tỉnh LA. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là chị Phùng Thanh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là anh Nguyễn Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phùng Thanh T:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Phùng Thanh T và anh Nguyễn Văn Ph tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 220/2011 đăng ký ngày 11/11/2011 do Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Thượng, huyện ĐH, tỉnh LA cấp, nên xác định hôn nhân giữa chị T và anh Ph là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa chị T và anh Ph đã phát sinh mâu thuẫn với những nguyên nhân do chị T trình bày. Anh Ph đã được tống đạt hợp

lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh Ph tại Tòa án, nhưng anh Ph vẫn không có ý kiến, luôn vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mẫu thuẫn tình cảm giữa chị T và anh Ph là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc chị T cương quyết ly hôn với anh Ph là có cơ sở, nên chấp nhận cho chị Phùng Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Nguyễn Phùng Trâm Anh, sinh ngày 07/4/2013 đã đủ 07 tuổi và có ý kiến nguyện vọng được ở với chị T. Anh Ph luôn vắng mặt, nên các bên không thể thỏa thuận việc nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đang có cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở yêu cầu của chị T và ý kiến của con chung, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần giao con chung cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản chung: Do anh Ph cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Ghi nhận chị T xác định không có tài sản chung, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Do anh Ph cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc chị Phùng Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thanh T.

1. Về hôn nhân: Chị Phùng Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phùng Thanh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Phùng Trâm Anh, sinh ngày 07/4/2013. Anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Phùng Thanh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005276 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh LA. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Ph không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LA;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- UBND xã Đức Hòa Thượng; *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Quốc